TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2026
"V/v *tranh chấp ly hôn*"

ÁN CÓ HIỆU LỰC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Đỗ Xuân Phúc

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 530/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phụng Thạnh, xã Thạnh Quới, thành phố Cần Thơ

***- Bị đơn*:** Ông Trần Văn Dửng (Dững), sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Lộc, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995, thông qua sự mai mối của người thân nên bà Lê Thị Phương và ông Trần Văn Dửng (Dững) quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu cả 02 quyết định tiến tới hôn nhân. Thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Trung Hưng, huyện huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ vào năm 1998. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì vợ phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hòa hợp. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về các quan điểm sống, cả 02 không đi đến tiếng nói chung. Do mâu thuẫn không thể giải quyết dứt điểm nên tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay nhận thấy không thể kéo dài quan hệ

hôn nhân nên bà Lê Thị Phương đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn với ông Trần Văn Dửng.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh Tâm, sinh năm 1996; Trần Thị Tú Trinh, sinh năm 1997. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét về nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Phương khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Dửng (Dững), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phụng Phụng, xã Thạnh Quới, thành phố Cần Thơ nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương và ông Trần Văn Dửng tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào năm 1998. Việc kết hôn của hai bên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân trong thời gian dài. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia hòa giải, không có ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho ly hôn giữa bà Lê Thị Phương và ông Trần Văn Dửng là có căn cứ.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh Tâm, sinh năm 1996; Trần Thị Tú Trinh, sinh năm 1997. Hiện các con

chung đã trưởng thành và không có yêu cầu Tòa án xem xét về nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương đối với ông Trần Văn Dửng về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Phương đối với ông Trần Văn Dửng.

- Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét.

- Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

- Về nghĩa vụ chung: Toà án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí: Bà Lê Thị Phương phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007774 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lê Thị Phương đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Tuyên án công khai các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND khu vực 4 – Cần Thơ;*
- *UBND xã Trung Hưng;*
- *THADS TP. Cần Thơ;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa